

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày 20 - 3 - 2019
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Trần Như Học.

+ Ông Phạm Hoàng Hân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 20 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 316/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Hà G, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Lê Quang L, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị P, sinh năm 1958 (mẹ ruột của anh L, xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 12 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Hà G trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Năm 2012 chị G và anh L có thời gian tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên tình thân tự nguyện, hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập

quán địa phương, nhưng đến nay vẫn không lập thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật do bận công việc làm ăn kinh tế.

Quá trình chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2016 vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và mâu thuẫn về tiền bạc. Vợ, chồng chị G, anh L sống ly thân từ tháng 02 năm 2016 đến nay. Trong thời gian ly thân gia đình có hòa giải, hàn gắn hôn nhân nhiều lần nhưng không đạt kết quả.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân tiếp tục duy trì cũng không hạnh phúc nên chị G yêu cầu ly hôn với anh Lê Quang L.

- Về nuôi con chung: Có 02 người con;
- Lê Nguyễn Phúc A, sinh ngày 07 tháng 05 năm 2013 (nam);
- Lê Nguyễn Lan A, sinh ngày 06 tháng 01 năm 2015 (nữ).

Hiện nay hai người con đang sống chung với chị G, khi ly hôn chị G yêu cầu nuôi hết 02 người con, việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Quá trình chung sống do vợ chồng làm ăn thua lỗ nên có vay của bà P số tiền 120.000.000 đồng và lãi suất. Tổng cộng số nợ đến nay là 143.329.167 đồng. Chị G yêu cầu chia đôi số nợ chung, anh L phải có trách nhiệm trả ½ số nợ.

Tại biên bản hòa giải ngày 18/01/2019 chị G rút lại yêu cầu chia đôi nợ trả với anh L đối với khoản vay của bà P số tiền 143.329.167 đồng trong đó vốn vay là 120.000.000 đồng và lãi suất, để chị G, anh L tự thỏa thuận với bà P và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại Bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 18 tháng 01 năm 2019, bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:**

- Về hôn nhân: Thời điểm kết hôn, tình trạng hôn nhân như chị G trình bày, anh L và chị G chung sống với nhau vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau do bất đồng ý kiến, vợ chồng không có tiếng nói chung nên sống ly thân từ tháng 02 năm 2016 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên qua yêu cầu ly hôn của chị G thì anh L đồng ý ly hôn.

- Về nuôi con chung: Có 02 người con tên Lê Nguyễn Phúc A, sinh ngày 07 tháng 05 năm 2013 (nam), Lê Nguyễn Lan A, sinh ngày 06 tháng 01 năm 2015 (nữ). Hiện nay hai người con đang sống chung với chị G, khi ly hôn anh L đồng ý giao hết 02 người con cho chị G nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Quá trình chung sống do vợ chồng làm ăn thua lỗ nên có vay nợ của bà P số tiền 143.329.167 đồng. Nay anh L, chị G tự thỏa thuận khoản nợ này với bà P nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 14 tháng 01 năm 2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị P trình bày:**

Nguyên trước đây vợ chồng anh L, chị G có vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện N số tiền 120.000.000 đồng. Sau đó Ngân hàng thông báo nợ quá hạn nhưng vợ chồng anh L, chị G không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng nên có hỏi mượn tiền của bà P để trả vốn vay và lãi suất cho Ngân hàng.

Bà P đã cho anh L và chị G mượn số tiền 143.329.167 đồng để trả nợ Ngân hàng. Đến nay anh L và chị G vẫn chưa hoàn trả số tiền này lại cho bà P.

Nay chị G và anh L ly hôn, bà P yêu cầu Tòa án buộc anh Lê Quang L và chị Nguyễn Hà G phải có trách nhiệm thanh toán cho bà tổng số tiền 143.329.167 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 18 tháng 01 năm 2019, bà P rút lại yêu cầu chị G, anh L thanh toán số tiền nợ là 143.329.167 đồng, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa:

Chị G vẫn bảo lưu quan điểm nêu trên, yêu cầu ly hôn với anh Lê Quang L, yêu cầu nuôi dưỡng hết hai người con, việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết, về tài sản chung tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, Chị G rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ bà P tổng cộng là 143.329.167 đồng vì giữa chị G, anh L và P đã tự thỏa thuận xong khoản nợ này.

Anh L và bà P vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 12 năm 2018, chị Nguyễn Hà G yêu cầu ly hôn với anh Lê Quang L, yêu cầu nuôi con chung và công nợ. Tại biên bản hòa giải ngày 18/01/2019 chị G rút lại yêu cầu chia đôi nợ trả, chỉ yêu cầu ly hôn với anh L và yêu cầu được nuôi con chung, ngoài ra không có yêu cầu gì khác, tranh chấp giữa chị G và anh L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; anh L cư trú tại khóm 4, thị trấn N, huyện N nên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ông Lê Quang L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng đều vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Lê Quang L.

Đối với bà Phạm Thị P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt vụ án ly hôn giữa chị G và anh L vì lớn tuổi, sức khỏe kém, bất tiện trong đi lại nên không thể có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, yêu cầu này của bà P là chính đáng và phù hợp

với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Hà G và anh Lê Quang L có thời gian tìm hiểu và chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức đám cưới gã theo phong tục tập quán địa phương từ năm 2012 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống giữa chị G và anh L thường xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân bắt do đồng quan điểm, mâu thuẫn về tiền bạc nên hai đương sự đã sống ly thân từ tháng 02/2016 đến nay. Trong thời gian ly thân vợ, chồng cũng không khắc phục được mâu thuẫn, nay chị G yêu cầu ly hôn với anh L, anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn với chị G. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử không thể công nhận sự thuận tình ly hôn giữa hai đương sự do hôn nhân của chị G và anh L không lập thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Do đó theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ của chị Nguyễn Hà G và anh Lê Quang L không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

- Về nuôi con chung: Chị G và anh L đều xác định có 02 người con;
 - + Lê Nguyễn Phúc Anh, sinh ngày 07 tháng 05 năm 2013 (nam);
 - + Lê Nguyễn Lan Anh, sinh ngày 06 tháng 01 năm 2015 (nữ).

Hiện nay đang sống chung với chị G, khi ly hôn chị G và anh L thống nhất giao Phúc Anh và Lan Anh cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, sự thỏa thuận này của các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 80 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được quyền cản trở.

Việc cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự "*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*", do đương sự không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về công nợ: Đối với yêu cầu thanh toán nợ trả, mặc dù tại đơn khởi kiện (V/v xin ly hôn) ngày 25 tháng 12 năm 2018, chị G yêu cầu chia đôi số nợ chung, anh L phải có trách nhiệm trả ½ số nợ 120.000.000 đồng và lãi suất, tổng cộng bằng 143.329.167 đồng nhưng tại biên bản hòa giải ngày 18/01/2019 và tại phiên tòa chị G rút lại một phần yêu cầu về khoản nợ của bà P số tiền 143.329.167 đồng để chị G, anh L tự thỏa thuận với bà P và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu của chị G về khoản nợ này, chị G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với yêu cầu được đình chỉ;

Đối với bà Phạm Thị P Toà án có Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, nhưng bà P không nộp căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án không xem xét yêu cầu độc lập của bà Phạm Thị P.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch chị Nguyễn Hà G phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị G được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu của chị Nguyễn Hà G về khoản nợ của bà Phạm Thị P với tổng số tiền nợ là 143.329.167 đồng.

2. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Hà G và anh Lê Quang L.

3. Về nuôi con chung: Chị G và anh L xác định có hai người con;

+ Lê Nguyễn Phúc A, sinh ngày 07 tháng 05 năm 2013 (nam);

+ Lê Nguyễn Lan A, sinh ngày 06 tháng 01 năm 2015 (nữ).

Hiện nay hai người con đang sống chung với chị G, khi ly hôn giao Phúc A và Lan A cho chị Nguyễn Hà G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được quyền cản trở.

4. Việc cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Hà G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Ngày 25 tháng 12 năm 2018, chị G đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.800.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0016267 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn sau khi đối trừ, chị G được nhận lại 1.500.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền